

SỰ MỞ RỘNG CỐT TRUYỆN DÂN GIAN TRONG *TRUYỀN KỲ MẠN LỤC* - NHÌN TỪ *CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG* VÀ *CHUYỆN TỪ THỨC LẤY VỢ TIÊN*

Nguyễn Thị Phương Thảo
Khoa Ngữ văn và KHXH, Trường Đại học Hải Phòng
Email: thaontp74@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 12/11/2025

Ngày nhận bài sửa: 28/11/2025

Ngày duyệt đăng: 20/01/2026

Tóm tắt: Trong lịch sử văn học trung đại Việt Nam, sự tương tác giữa văn học dân gian và văn học viết là quy luật then chốt định hình bản sắc dân tộc. Dù vay mượn thể loại từ văn học Trung Quốc, *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ lại cho thấy những ảnh hưởng sâu sắc từ văn học dân gian Việt Nam. Thành công của Nguyễn Dữ là ở sự tiếp thu và sáng tạo trên cơ sở cốt truyện dân gian có sẵn. Ông không sao chép mà biết cách chọn lọc, phát triển và nâng tầm chất liệu dân gian thô sơ, biến chúng thành tác phẩm văn học hoàn chỉnh, phản ánh vấn đề thời đại và gửi gắm ước mơ công lý. Chính sự tiếp thu có ý thức, chọn lọc và biến đổi linh hoạt này đã giúp *Truyền kỳ mạn lục* vượt qua giới hạn thể loại, vừa mang hơi thở dân gian vừa phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội, khẳng định tài năng và tư duy tự sự độc lập của Nguyễn Dữ.

Từ khóa: Nguyễn Dữ, sáng tạo cốt truyện, *Truyền kỳ mạn lục*, văn học dân gian.

THE EXPANSION OF FOLK NARRATIVES IN *TRUYEN KY MAN LUC* - A PERSPECTIVE FROM *CHUYEN NGUOI CON GAI NAM XUONG* AND *CHUYEN TU THUC LAY VO TIEN*

Abstract: In the history of Vietnamese medieval literature, the interaction between folklore (folk literature) and written literature played a key role in establishing and shaping national identity. Although a genre borrowed from Chinese literature, Nguyen Du's *Truyen ki man luc* shows a significant influence of Vietnamese folklore. Nguyễn Dữ's success lies in the assimilation and creation based on pre-existing plotlines from folk literature. He did not merely copy but selectively developed and elevated the raw folk materials, transforming simple tales into complete literary works that reflect contemporary issues and convey the yearning for justice. This conscious, selective, and flexible transformation allowed *Truyen ky man luc* to transcend genre limitations, simultaneously imbued with the spirit of folklore while profoundly reflecting the social reality of the time, thereby affirming Nguyen Du's talent and independent narrative vision.

Keywords: Nguyen Du, plot creation/adaptation, *Truyen ky man luc*, folk literature.

1. Đặt vấn đề

Văn học, văn hóa dân gian là một trong những nguồn gốc quan trọng nhất của truyện truyền kỳ dân tộc. Trên nền tảng cấu trúc truyện cổ tích dân gian và truyền thuyết về các vị thần vốn mang tính mô hình hóa, với *Truyện kỳ mạn lục*, Nguyễn Dữ đã thực hiện một quá trình tái thiết cốt truyện đa chiều. Quá trình này được thực hiện bằng cách mở rộng sự kiện, tình tiết; khai thác chiều sâu tâm lý nhân vật, nhằm chuyển đổi nhân vật từ kiểu mẫu sang tính cách cá nhân phức tạp; đưa yếu tố hoang đường kỳ ảo trở thành hạt nhân cấu trúc, không chỉ để tăng tính hấp dẫn mà còn là phương tiện nghệ thuật để phản ánh những vấn đề liên quan đến số phận con người, bi kịch cá nhân và gửi gắm khát vọng công lý. Bài viết này tập trung tìm hiểu sự mở rộng cốt truyện vay mượn từ văn học dân gian trong *Truyện kỳ mạn lục* qua hai trường hợp: *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Chuyện Tì Thúc lấy vợ tiên*. Đây là hai trường hợp điển hình cho quá trình chuyển hóa cốt truyện dân gian để tạo nên một tác phẩm tự sự mới giàu chất thể sự và chiều sâu nhân sinh.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về tổ chức cốt truyện và mối quan hệ giữa *Truyện kỳ mạn lục* với văn học dân gian được giới nghiên cứu triển khai theo nhiều hướng chuyên sâu. Các học giả đã đi sâu vào thi pháp thể loại và cấu trúc tự sự để làm rõ sự sáng tạo của Nguyễn Dữ. Nhóm nghiên cứu văn bản học và nguồn gốc thể loại, bao gồm Kiều Thu Hoạch [3], Lê Trí Viễn [10], Phạm Tú Châu [1], Trần Nghĩa [6] tập trung vào quan hệ giữa truyện truyền kỳ và truyền thống tự sự dân gian qua văn bản, motif và mô hình thể loại. Trần Đình Sử quan tâm đến cách thức tổ chức cốt truyện để mở rộng chiều sâu nhân vật, đặc biệt là hình tượng người phụ nữ [9]. Nguyễn Đăng

Na khẳng định Nguyễn Dữ đã “đưa văn xuôi truyền kỳ Việt Nam đến trình độ cấu trúc nghệ thuật tự giác”, trong đó yếu tố kỳ ảo không còn là minh họa tín ngưỡng mà trở thành phương tiện tái cấu trúc hiện thực [4]. Nguyễn Thị Nguyệt [5] xác định các biện pháp nghệ thuật như yếu tố trữ tình, kỳ ảo trong thi pháp truyền kỳ, vốn là công cụ để Nguyễn Dữ mở rộng cốt truyện gốc. Nghiên cứu gần đây của nhà nghiên cứu Vũ Thanh [7] còn nhấn mạnh việc tăng cường yếu tố hiện thực và thể sự như một chiến lược quan trọng để mở rộng cốt truyện dân gian thuần túy, làm phong phú thêm giá trị của tác phẩm. Khoảng trống nghiên cứu cho thấy nhu cầu cần tập trung vào cách Nguyễn Dữ biến đổi và tái mã hóa chất liệu dân gian ở từng trường hợp cụ thể. Bài viết này, vì vậy lựa chọn kết hợp phương pháp so sánh, phân tích và phương pháp liên văn bản nhằm khảo sát sâu hai trường hợp tiêu biểu: *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Chuyện Tì Thúc lấy vợ tiên*, qua đó góp phần làm sáng tỏ quá trình tái thiết cốt truyện trong *Truyện kỳ mạn lục* trên cơ sở cốt truyện dân gian.

3. Kết quả nghiên cứu

Tái thiết cốt truyện là một quá trình sáng tạo lại văn bản gốc bằng cách sắp xếp, mở rộng hoặc biến đổi các sự kiện và nhân vật để tạo ra một ý nghĩa mới, phù hợp với mục đích thẩm mỹ và bối cảnh văn hóa khác. Trong nghiên cứu văn học Việt Nam, Lê Trí Viễn (1998) [10] và Kiều Thu Hoạch (2000) [3] đã ghi nhận sự chuyển hóa sáng tạo khi văn học viết khai thác chất liệu truyện dân gian. Khảo sát nguồn gốc đề tài, cốt truyện trong *Truyện kỳ mạn lục*, có hai truyện hoàn toàn được lấy từ những câu chuyện lưu truyền trong dân gian Việt Nam: *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Chuyện Tì Thúc lấy vợ tiên*. Một số truyện khác được viết dựa trên những nhân vật truyền thuyết,

nhân vật lịch sử còn liên quan đến di tích, tín ngưỡng dân gian địa phương. Thực chất ở nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành tìm hiểu nguồn gốc dân gian Việt Nam của hai truyện điển hình trong *Truyện kỳ mạn lục*, từ đó chỉ ra sự sáng tạo của Nguyễn Dữ về cốt truyện. Thay vì sao chép nguyên mẫu, ông đã thực hiện mở rộng, tái thiết cốt truyện dân gian theo hướng gia tăng tính phức hợp, tạo nhiều tầng ý nghĩa. Quá trình này bao gồm việc mở rộng tình tiết, đào sâu xung đột, diễn biến tâm lý nhân vật, gia tăng yếu tố kỳ ảo có chủ đích nghệ thuật, và lồng ghép những chiêm nghiệm mang tính triết lý về nhân sinh.

3.1. Mở rộng cốt truyện về tình tiết, sự kiện

Truyện cổ tích thường có cốt truyện đơn giản, sơ lược - đặc điểm này bắt nguồn từ phương thức sáng tác và lưu truyền bằng miệng trong dân gian. Sự mở rộng cốt truyện trong *Truyện kỳ mạn lục* thể hiện rõ nét qua việc tăng cường các tình tiết bi kịch và mâu thuẫn, mục đích là đẩy nhân vật và sự kiện đến tận cùng của bi kịch cá nhân và xung đột xã hội. Hai truyện có nguồn gốc dân gian trong *Truyện kỳ mạn lục* đều có tình tiết phong phú và kết cấu phức tạp hơn so với các truyện cổ tích gốc.

Trường hợp thứ nhất là *Chuyện người con gái Nam Xương* và truyện dân gian *Vợ chàng Trương*. Đây là câu chuyện dân gian có một cốt truyện hoàn chỉnh: mô típ đôi lứa chia ly do chiến tranh, lời nói ngây thơ của trẻ nhỏ dẫn đến hiểu lầm, bi kịch oan khuất và cái chết thương tâm của người vợ. Mô típ này khá phổ biến trong truyện cổ tích và truyền thuyết Việt Nam, phản ánh xung đột gia đình dựa trên nền tảng đạo đức và ứng xử cộng đồng, trong đó người phụ nữ là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi, áp lực từ thiết chế phụ quyền. Tuy nhiên, trong truyện dân gian, câu chuyện bi

kịch này được trình bày tương đối giản lược, tâm lý nhân vật chưa được khai thác sâu, và kết thúc dừng lại ở nỗi hối hận muộn màng của người chồng sau khi vợ phải chết oan. Truyện nhằm nhấn mạnh bài học đạo đức hơn là đào sâu bi kịch thân phận.

Đến Nguyễn Dữ, ông tạo ra sự khác biệt độc đáo về cốt truyện: Thứ nhất, ông mở rộng cốt truyện bằng cách đưa vào những chi tiết làm phức tạp hóa bi kịch một cách cố ý: Sau lời tố cáo oan nghiệt từ đứa con thơ, Nguyễn Dữ không để Vũ Nương im lặng mà thêm vào chi tiết phân trần tha thiết, tuyệt vọng của nàng. Tiếp đó là hành động tự trầm mình xuống sông Hoàng Giang đầy xót xa, bi phần, biến sự kiện ly tán đơn thuần thành một cái chết đầy oan ức, từ đó, khẳng định phẩm giá người phụ nữ được đánh đổi bằng chính sinh mạng. Thứ hai, Nguyễn Dữ để vợ chồng Vũ Nương gặp lại nhau khi người vợ đã hóa thành thần. Chi tiết kỳ ngộ ở Thủy phủ do mở rộng cốt truyện đã cho phép Vũ Nương được minh oan nhưng lại vĩnh viễn không thể trở về dương gian trọn vẹn. Những tình tiết mở rộng này đã phá vỡ kết cấu có hậu của truyện dân gian, tạo nên một kết cục bi kịch, phức tạp hóa mâu thuẫn giữa cá nhân và định kiến xã hội, cũng như mâu thuẫn giữa khát vọng hạnh phúc trần thế và số phận bất hạnh. Rõ ràng, để minh oan và bù đắp cho lòng ngay thẳng, hiếu thảo, thủy chung của Vũ Thị Thiết, tác giả đã mở rộng kết cấu truyện để hồi sinh cho nhân vật. Kết cấu mở rộng chia câu chuyện làm hai phần: thực và ảo - cuộc đời thực bi kịch và ước mơ hạnh phúc trong cõi ảo. Phần mở rộng cốt truyện này với những chi tiết kỳ ảo chính là phương tiện để Nguyễn Dữ truyền tải những giá trị nhân văn sâu sắc. Có thể thấy, trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, cốt truyện được khắc họa cụ thể và mang tính cá nhân rõ nét hơn.

"*Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*" là một minh chứng rõ rệt khác cho mở rộng và phức tạp hóa tình tiết và sự kiện của Nguyễn Dữ so với sự tích dân gian ("*Sự tích hang Từ Thức*"). Mở đầu hai truyện kể về lai lịch của chàng Từ Thức và cuộc gặp gỡ giữa chàng với người đẹp. Kết thúc câu chuyện: "*chàng bèn mặc áo nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn rồi sau không biết đi đâu mất*"[2]. Tuy cốt truyện trong truyện của Nguyễn Dữ cơ bản vẫn giữ kết cấu hai phần (Từ Thức gặp tiên và bị kịch trở lại chốn quê nhà), nhưng ông đã tăng cường các chi tiết thể sự để làm nền cho sự kiện kỳ ảo. Cụ thể, việc giới thiệu Từ Thức làm tri huyện Tiên Du với tính cách "*không mẫn cán, lại thêm tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh*"[2] là một sự mở rộng đáng kể. Chi tiết này không chỉ định danh cụ thể về không gian, thời gian (Năm Quang Thái đời nhà Trần, Hóa Châu) mà còn xây dựng tâm lý chán ghét thể tục ở Từ Thức, biện minh cho hành động trả ấn từ quan, chu du khắp nơi trước khi vào động tiên. Hơn nữa, việc thêm vào các mâu thuẫn xã hội như việc Giáng Hương bị người coi hoa bắt giữ vì lỡ làm gãy cành mẫu đơn, khiến sự kiện chuộc lỗi của Từ Thức trở thành một hành động cứu giúp mang tính hiệp nghĩa (thay vì chỉ là ngẫu nhiên) đã làm phức tạp hóa tình tiết nhân duyên. Những sự kiện mở rộng này đã củng cố tính bi kịch lãng mạn và tinh thần thoát tục của tác phẩm, vượt xa sự đơn giản của một câu chuyện huyền thoại dân gian.

3.2. Tập trung miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật

Khác với cốt truyện đơn giản, thiên về hành động và tuyến sự kiện của truyện cổ tích, Nguyễn Dữ trong *Truyện kỳ mạn lục* đã đặc biệt chú trọng khắc họa diễn biến tâm lý của nhân vật. Việc dõi theo đời sống nội tâm, nhất là những khoảnh khắc chuyển hóa tâm trạng, đã

đưa nhân vật ra khỏi khuôn mẫu phi cá tính của truyện dân gian, trở thành những chủ thể suy tư và cảm nhận đời sống một cách sâu sắc.

Trong *Sự tích động Từ Thức* của dân gian, cốt truyện chỉ kể rằng sau một thời gian sống ở cõi tiên, Từ Thức "nhớ nhà" và trở lại dương gian. Tuy nhiên, trạng thái "nhớ" chỉ được nêu một cách sơ lược, không có phân tích nội tâm hay quá trình diễn biến tâm lý. Trái lại, trong *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*, Nguyễn Dữ đã miêu tả nỗi nhớ ấy thành một mạch cảm xúc cụ thể, tinh tế và nhiều tầng nghĩa. Từ Thức không phải chỉ nhớ quê như một hồi ức mơ hồ, mà là nỗi day dứt thường trực, đến từ sự mâu thuẫn giữa cảnh tiên trong trẻo và tâm thức phàm trần còn nặng tình đời. Nguyễn Dữ miêu tả: "*Từ khi bỏ nhà đi thám thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng quấy nhiễu không sao ngủ được*"[2]. Từng chi tiết ngoại cảnh (gió, sương, trăng, sóng biển) được sử dụng như chất xúc tác của nỗi niềm, gợi hình ảnh một tâm hồn trần thế giữa chốn siêu thoát. Không gian tiên cảnh vốn đẹp đẽ và thanh khiết, nhưng lại trở thành phong nền tương phản làm bật sắc thái tâm lý cô đơn, lạc lõng của Từ Thức. Chàng không hòa nhập được hoàn toàn vào thế giới thần tiên, vì nơi ấy thiếu điều quan trọng nhất: những ràng buộc mang tính nhân tình - quê hương, gia đình, ký ức và cội nguồn. Khi bày tỏ với Giáng Hương, ngôn ngữ nhân vật cũng được Nguyễn Dữ tổ chức linh hoạt, diễn tả xúc cảm dồn nén: "*Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon*"[2]. Hình ảnh "*lòng cô héo hon*" là một ẩn dụ giàu sức gợi: cái buồn của Từ Thức không chỉ là

nỗi nhớ, mà là sự tàn úa bên trong tâm hồn, chứng tỏ sự sống tinh thần của người phạm không thể tồn tại lâu trong cõi tiên - nơi siêu thoát nhưng vô cảm với nỗi niềm nhân sinh.

So với dân gian, sự khác biệt nằm ở tính chiều sâu của cảm xúc và quá trình tâm lý được miêu tả như một diễn biến có nguyên nhân - phát triển - kết quả. Điều đó cho thấy Nguyễn Dữ không đơn thuần kể chuyện kỳ ảo, mà hướng đến khám phá bản chất con người: con người luôn hướng về cội nguồn và các giá trị nhân thế, ngay cả khi họ đã đạt đến cảnh giới thoát tục. Miêu tả con người cảm nghĩ bên cạnh con người hành động là một bước phát triển của *Truyện kỳ mạn lục* so với truyện dân gian.

3.3. Yếu tố “kỳ” như hạt nhân tổ chức cốt truyện và biểu hiện tư tưởng

“Kỳ” là một đặc trưng cơ bản của thể loại truyện kỳ, nó vừa là phương thức kể chuyện, vừa là phương tiện giúp nhà văn mở rộng biên độ phản ánh đời sống, phản ánh hiện thực. Trong tổ chức cốt truyện, yếu tố “kỳ” đóng vai trò hạt nhân, dẫn dắt mạch truyện theo ý đồ của nhà văn. “*Trước Nguyễn Dữ, các tác phẩm truyện kỳ ảo chủ yếu xoay quanh cuộc đời của những nhân vật quan trọng như các anh hùng dân tộc, vua chúa, bậc tu hành hiển thánh hay các nhân vật mang tính chất thần linh, bán thần gắn với những biến cố lớn trong lịch sử*” [8]. Nhưng đến *Truyện kỳ mạn lục*, hiện thực đời sống được mở rộng hơn, không còn chỉ giới hạn trong những sự kiện trọng đại hay giới vua quan, mà còn bao gồm câu chuyện về số phận những con người bình thường, nhỏ bé. Nó cũng có thể bao gồm cả những câu chuyện gần gũi của đời sống thường nhật. Trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ không chỉ đưa yếu tố kỳ ảo vào để tạo hấp dẫn nghệ thuật mà còn nhằm mở rộng biên độ phản ánh hiện thực xã hội. Truyện bắt đầu từ những tình huống rất

đời thường: chiến tranh loạn lạc, chồng ra trận, vợ ở nhà tảo tần nuôi con và phụng dưỡng mẹ chồng. Yếu tố “kỳ” chỉ xuất hiện khi bị kịch xảy ra và bị đẩy đến tận cùng, không lối thoát. Việc Vũ Nương được Linh Phi cứu và sống nơi thủy cung không làm giảm nỗi oan, mà tô đậm chiều sâu bi kịch. Sự xuất hiện của không gian thủy cung không giúp Vũ Nương hóa giải được bi kịch, mà thực chất là nó là không gian được tạo ra để cho phép nhân vật được nói lên sự thật, minh oan cho mình. Khung cảnh kỳ ảo nơi Vũ Nương xuất hiện không làm mất tính hiện thực của câu chuyện, trái lại, nó nhấn mạnh nỗi đau của Vũ Nương: nàng được minh oan, nhưng mãi mãi không thể trở lại với cuộc sống vốn là mong ước giản dị nhất của mình. Ở đây, yếu tố “kỳ” giúp biểu đạt một chân lý: công lý của con người trong xã hội phong kiến vốn không thể đạt được bằng con đường hiện thực. Khi Nguyễn Dữ chuyển vấn đề thân phận người dân thường trước những thế lực xã hội đen tối vào một môi trường khác - thế giới dưới thủy cung, tác giả đã làm tăng giá trị phê phán của tác phẩm, làm giàu thêm cốt truyện và khám phá thêm những nét mới trong tâm hồn nhân vật.

Tương tự, trong *Chuyện Tù Thức lấy vợ tiên*, thế giới tiên cảnh không phải chỉ là phong nền trang trí. Nó xuất hiện như một giải pháp tâm lý trước bế tắc hiện thực. Tù Thức vì chán cảnh quan trường ràng buộc, “*không vì mấy đấu gạo mà buộc mình trong áng lợi danh*” [2], đã chọn bước ra khỏi thế tục. Khi bước vào động tiên, chàng được sống trong không gian thanh nhàn, nhưng chính ở đó, nỗi nhớ quê, nhớ con người và đời sống trần tục lại nảy sinh. Yếu tố “kỳ” vì vậy không tách khỏi đời thực mà tạo ra độ tương phản để làm rõ bản chất của con người: dù đi đến cõi tiên, con người vẫn mang nặng cội nguồn nhân thế. Yếu

tổ kỳ ảo trong cốt truyện, vì vậy không phủ nhận hiện thực, mà làm sâu sắc thêm nhận thức về nó. Tinh thần này chịu ảnh hưởng rõ nét từ tư tưởng Đạo giáo - xem cõi tiên, cõi thủy phủ như một không gian đối chiếu với đời sống trần tục. Diễn biến câu chuyện tình duyên giữa Từ Thức và nàng tiên Giáng Hương có thể xem là tiếng nói bênh vực những nhu cầu tự do tình cảm, khát khao yêu đương chính đáng của con người mà không thể có được trong cõi thực - thực chất là trong vòng cương tỏa của xã hội phong kiến. Mặc dù có sự hoang đường, kỳ ảo nhưng khát vọng yêu đương của con người là có thật. Câu chuyện cất lên tiếng nói bày tỏ một nhu cầu nhân bản, vô cùng chính đáng của con người. Kết thúc tác phẩm, Nguyễn Dữ để nhân vật trở về trần gian và rơi vào bi kịch cô đơn, lạc lõng khi mọi thứ đã đổi thay. Kết thúc này phản ánh rõ hiện thực phũ phàng: khát vọng thoát ly thực tại chỉ là ảo vọng, con người không thể trốn tránh quy luật của cuộc đời, qua đó, tác giả kín đáo gửi gắm nỗi xót xa trước số phận con người.

Chuyển những vấn đề của đời sống hiện thực vào thế giới thần kỳ, Nguyễn Dữ rõ ràng đã tạo ra một không gian tự do cho sự sáng tạo, cũng đồng thời giúp nhà văn bày tỏ quan điểm về nhân sinh, đạo lý, số phận con người. Ngôi bút của ông trở nên mạnh bạo hơn khi tố cáo những mặt đen tối của xã hội - điều mà bút pháp hiện thực rất khó đụng chạm đến, nhất là trong một xã hội phong kiến tập quyền chuyên chế. Bút pháp kỳ ảo còn cho phép nhà văn khám phá tâm hồn nhân vật ở một thế giới mới lạ mà nó lạc vào, với một hoàn cảnh và những thử thách mới. Cũng ở trong thế giới đó, nhà văn đã thể hiện được lí tưởng của mình về lẽ công bằng xã hội, nơi cái ác bị trừng phạt, cái thiện cuối cùng đã chiến thắng - điều mà họ không thể đạt được trong cuộc

sống thực tại. Nguyễn Dữ sử dụng cái kỳ ảo ở một mức độ nghệ thuật cao, cái kỳ ảo được phản ánh trong tác phẩm của ông gần gũi hơn với con người.

Dưới ngòi bút Nguyễn Dữ, yếu tố kỳ ảo không chỉ là phương tiện tự sự, mà trở thành công cụ để soi chiếu bản chất con người và đời sống tinh thần. Cái kỳ ảo được “hiện thực hóa” bằng cảm xúc, suy tư và những mâu thuẫn nội tâm sâu sắc - điều mà truyện dân gian không làm được.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy Nguyễn Dữ đã tiếp thu chất liệu dân gian trong *Truyện kỳ mạn lục* theo hướng tái thiết cốt truyện một cách có ý thức và sáng tạo. Sự chuyển dịch cốt truyện từ văn học dân gian đến *Truyện kỳ mạn lục* xuất phát từ nhu cầu sáng tạo của Nguyễn Dữ trong bối cảnh xã hội Lê - Mạc nhiều biến động. Chất liệu dân gian cung cấp mô hình cốt truyện và motif cơ bản, nhưng không còn đáp ứng được yêu cầu biểu đạt những vấn đề thế sự, đạo lý và số phận con người đương thời. Vì vậy, Nguyễn Dữ cần tái thiết cốt truyện để phản ánh những vấn đề của đời sống hiện thực, gia tăng chiều sâu tư tưởng. Quá trình ấy cho phép ông chuyển từ khuôn mẫu tập thể mang tính công thức của truyện dân gian sang một cấu trúc tự sự bác học, cá thể hóa và giàu tính nhân đạo hơn. *Truyện kỳ mạn lục* thực sự đánh dấu một mốc lớn trong hành trình văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tú Châu (1984), *Truyện truyền kỳ Việt Nam và sự tiếp biến từ văn học dân gian*, NXB Khoa học Xã hội.
2. Nguyễn Dữ (2018), *Truyện kỳ mạn lục*, NXB Văn học.

3. Kiều Thu Hoạch (2000), *Thi pháp truyện dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
4. Nguyễn Đăng Na (2005), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Thị Nguyệt (2018), *Thi pháp truyện truyền kỳ Việt Nam thời trung đại (Qua khảo sát một số tác phẩm tiêu biểu)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Trần Nghĩa (2001), *Từ văn bản đến tác phẩm văn học trung đại*, NXB Giáo dục.
7. Vũ Thanh (2015), Yếu tố hiện thực trong cốt truyện kỳ ảo của Truyền kỳ mạn lục, *Tạp chí Văn học*, (10), 45-56.
8. Lã Nhâm Thìn (chủ biên, 2012), *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục.
9. Trần Đình Sử (2012), Cấu trúc Truyền kỳ mạn lục và quan niệm về người phụ nữ, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (3), 3-14.
10. Lê Trí Viễn (1998), *Nghiên cứu văn học - mấy vấn đề lý luận và lịch sử*, NXB Giáo dục.